TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **48/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2023
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 377/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2022, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 85, đường N, khu phố C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Thùy L, là Luật sư của Văn phòng Luật sư B và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt);

Hộ khẩu tường trú: Số nhà 1158, đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam K.

Địa chỉ: ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh Trung H, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 448, đường N, khu phố 3, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Tôi và anh B tự nguyện quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2020. Trước đây vợ chồng thuê nhà trọ sống, sau đó về sống chung cư tại tầng 4, B14, chung cư số 444, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không quan tâm, lo lắng cho gia đình, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng thường xuyên cự cải về kinh tế gia đình. Trước khi anh B bị bắt chị đã có khuyên can nhiều lần nhưng anh B không nghe, thường xuyên tụ tập bạn bè đến khi phạm tội, từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đến tháng 11 năm 2020 anh B bị bắt đi chấp hành án tại Trại giam K, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020. Mặt khác từ khi anh B bị bắt đi chấp hành án, thì giữa chị và gia đình chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn về tiền bạc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị M yêu cầu xin được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị M xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/02/2020, hiện con đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng chung sống không tạo lập tài sản chung. Căn nhà tại tầng 4, B14, chung cư số 444, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là chị mượn tiền của anh Huỳnh Trung H mua và căn nhà này là do anh Huỳnh Trung H đứng tên chủ sở hữu; từ khi anh B đi tù chị không có khả năng trả tiền cho anh H, nên đã giao trả lại căn nhà trên cho anh Huỳnh Trung H. Do đó tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 05/01/2023 và biên bản hòa giải ngày 4/5/2023 bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Tôi và chị M tự nguyện quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật và được UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2020. Vợ chồng sống tại chung cư tầng 4, B14, chung cư số 444, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang đến khi anh B bị bắt chấp hành án.

Vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, không có xảy ra mâu thuẩn, trong sinh hoạt hằng ngày không có xảy ra cự cãi bất hòa, tình cảm vợ chống rất tốt, nên anh B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M; do vợ chồng chung sống không có mâu thuẩn, anh B vẫn còn tình cảm với chị M nên mong muốn được hàn gắn đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân khi anh B bị bắt đi chấp hành án tại Trại giam K từ tháng 11 năm 2020 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/02/2020, hiện đang sống với chị M; nếu thường hợp Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh B, thì anh B đồng ý giao con chung chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có mua căn nhà chung cư tại tầng 4, B14, chung cư số 444, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, do vợ chồng không có lương ổn định nên không đứng tên mua được, vợ chồng có nhờ anh Huỳnh Trung H đứng tên mua dùm, đợt đầu trả số tiền 130.000.000 đồng, nguồn tiền mua nhà là của vợ chồng, M là người trực tiếp đóng tiền nhà. Đối với phần tài sản này anh B không yêu cầu Tòa án giải trong vụ án hôn nhân, để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Trung H có ý kiến trình bày: Anh H quen biết với chị M, biết việc chị M xin ly hôn với anh B. Nguồn gốc căn nhà tại tầng 4 B14, chung cư 444, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là do anh H thấy hoàn cảnh chị M khó khăn, nên anh H đi cùng chị M đăng ký 01 suất mua căn nhà tại tầng 4 B14, chung cư 444, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cho chị M ở, người đứng tên chủ sở hửu mua căn nhà là của anh H. Tổng số tiền mua là 422.672.674 đồng; mua trả góp, đợt 01 trả 130.000.000 đồng là tiền anh H đưa cho chị M trả và chị M hứa sẽ trả tiền cho anh H chia ra 02 đợt, nhưng đến nay chị M không có trả số tiền trên. Chị M ở chung cư từ tháng 10 năm 2019 đến khoảng cuối năm 2021, thời gian đó chị M trả góp tiền nhà theo hợp đồng. Đến cuối năm 2021 chị M không còn khả năng trả góp tiền nhà nữa nên chị M trả lại căn nhà cho anh; hiện nay chị M đang thuê lại nhà của anh với giá 2.000.000 đồng/tháng. Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này về cơ bản Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn B; anh B cư trú tại số 1158, đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại Điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chứng cứ, chứng minh: Thẩm phán thực hiện đúng việc tiếp nhận, yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, cấp, tống đạt các văn bản cho đương sự; tiến hành các bước kiểm tra việc giao nộp, công khai tài liệu, chứng cứ; xác minh, thu thập chứng cứ như: lấy lời khai của các đương sự; tổ chức phiên hòa giải đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán thụ lý vụ án từ ngày 07/11/2022 đến ngày 12/5/2023 ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 75, 76 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, trong quá trình lấy lời khai của các đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mối quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh B có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, có những bất hòa trong đời sống hằng ngày, cả hai sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, chị M mong muốn được ly hôn với anh B nên việc yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở để chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Căn cứ lời khai của chị M, anh B xác định trước nay cháu Nguyễn Thiện Ân, sinh ngày 23/02/2020 do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên xét thấy

yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị M là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không có xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn xác định không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị M, luật sư Dương Thùy L có ý kiến: Chị M và anh B tự nguyện quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị M và anh B chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn từ đầu năm 2020. Nguyên nhân là do anh B không quan tâm, lo lắng cho gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè, chị M đã có khuyên can nhiều lần nhưng anh B không sửa đổi, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng thường xuyên cự cải về kinh tế gia đình. Đến tháng 11 năm 2020 anh B bị bắt đi chấp hành án tại Trại giam kênh 7, Cục C10, Bộ Công an, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020. Chị M hiện không còn tình cảm với anh B. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh B.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/02/2020, hiện nay chị M đang nuôi dưỡng nên đề nghị giao con chung cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung; tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung; không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với anh Nguyễn Văn B. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Trung Hiến có đơn đề nghị Tóa án xét xử vắng mặt và chị M đồng ý xét xử vắng mặt anh B, anh Hiến. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B, anh H.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhận thấy do vụ án tranh chấp cần có thời gian điều tra, xác minh nên vi phạm thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh B tự quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2019, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết theo quy định pháp luật và được Uỷ ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị M và anh B không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh B không quan tâm, lo lắng cho gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cự cải, chủ yếu về kinh tế gia đình; anh B thường xuyên tụ tập, chị M có khuyên can nhưng anh B không sửa đổi; đồng thời anh B hiện đang chấp hành án tại Trại giam K nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Trong thời gian chị M, anh B sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh B là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh B.

Xét yêu cầu của anh B xin được hàn gắn đoàn tụ vì anh B cho rằng vợ chồng chung sống không có xảy ra mâu thuẩn, trong sinh hoạt hằng ngày không có xảy cự cải, bất hòa. Tuy nhiên anh B hiện đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 7, Cục C10, Bộ Công an nên anh B và chị M đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay và từ khi vợ sống ly thân thì vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, đến tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử động viên để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, nhưng chị M vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh B. Từ đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh B.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị M, anh Nguyễn Văn B xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/02/2020, hiện con đang sống chị M. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B cũng xác định nếu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung tên Nguyễn Thiên A cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 luật

Hôn nhân và gia đình; chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M, anh B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị M, anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Đối với quan điểm bào chữa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/02/2020 cho chị Trần Thị M chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị M, anh B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị M, anh B định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị M phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị M được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009979 ngày 31/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẠCH SÔ PHÉP

* **Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.